

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia
giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Cụ thể hóa và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 phù hợp với điều kiện, thực tiễn của tỉnh.

1.2. Nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân về vai trò của tiêu chuẩn trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.3. Đưa việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

1.4. Đưa hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hiện đại, mở, hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, vào áp dụng thực tế ở địa phương, là công cụ thực thi chính sách công và nền tảng kỹ thuật cho quản lý nhà nước. Thúc đẩy để tiêu chuẩn trở thành động lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

2.1. Việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phải bám sát nội dung, định hướng của Quyết định số 876/QĐ-TTg, Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 30/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 13/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các nội dung chỉ đạo có liên quan của Trung ương, của tỉnh; bảo đảm thống nhất, khả thi, phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương.

2.2. Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã trong hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm chủ lực của địa phương.

2.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó, xác định rõ kết quả, sản phẩm; cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; tiến độ đối với từng nhiệm vụ được giao.

2.4. Gắn hoạt động tiêu chuẩn hóa với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. 100% nhóm sản phẩm, hàng hóa chủ lực, đặc sản, sản phẩm OCOP và nhóm sản phẩm, hàng hóa có nguy cơ rủi ro cao trên địa bàn tỉnh được rà soát, hướng dẫn hoặc khuyến nghị áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật phù hợp với đặc thù ngành hàng, yêu cầu thị trường và định hướng hội nhập.

1.2. Tăng tối thiểu 30% số sản phẩm, hàng hóa của tỉnh được doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh áp dụng mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử hoặc giải pháp số hóa thông tin sản phẩm, góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng nhận diện, quản lý chất lượng và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

1.3. Từng bước phát triển hạ tầng kỹ thuật theo hướng đồng bộ, hiện đại, tin cậy; nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phục vụ công tác quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

1.4. Nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa đảm bảo theo TCVN và quy định của pháp luật; từng bước hình thành mạng lưới dịch vụ kỹ thuật tại chỗ phục vụ doanh nghiệp.

1.5. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng, áp dụng, duy trì hoặc nâng cấp hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, tiêu chuẩn tiên tiến, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử hoặc các giải pháp số hóa thông tin sản phẩm phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

1.6. Tiếp tục duy trì việc vận hành hiệu quả đầu mối hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp về đánh giá sự phù hợp về TCVN và hàng rào kỹ thuật trong thương mại; bảo đảm cung cấp thông tin, cảnh báo, hướng dẫn theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

1.7. 100% cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác chuyên môn và đại diện tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, đánh giá sự phù hợp, truy xuất nguồn gốc, rào cản kỹ thuật trong thương mại và chuyển đổi số trong TCVN.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Công tác thông tin, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn: 02 nhiệm vụ.

2.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách và hạ tầng hỗ trợ phát triển TCVN: 07 nhiệm vụ.

2.3. Phát triển đội ngũ chuyên gia và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 04 nhiệm vụ.

2.4. Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN để thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 06 nhiệm vụ.

2.5. Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ: 06 nhiệm vụ.

2.6. Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN phục vụ phát triển đô thị hiện đại và quản lý xã hội: 03 nhiệm vụ.

2.7. Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững: 06 nhiệm vụ.

2.8. Nâng cao mức độ áp dụng TCVN và hiệu quả thực thi các tiêu chuẩn để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế: 05 nhiệm vụ.

2.9. Tăng cường thông tin, cảnh báo về hàng rào kỹ thuật trong thương mại: 05 nhiệm vụ.

2.10. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn: 04 nhiệm vụ.

2.11. Tăng cường kiểm tra, giám sát: 03 nhiệm vụ.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

1.1. Quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Nhân dân về Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch này và các văn bản có liên quan về TCVN; góp phần cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp, truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch và tiếp cận thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

1.2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động lồng ghép nội dung của kế hoạch này vào chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định; đột xuất hoặc định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (*đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ*) chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Tăng cường công tác giám sát, tuyên truyền trong việc triển khai, thực hiện kế hoạch này trên địa bàn tỉnh; kịp thời tiếp nhận thông tin, phản ánh những khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp để cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

3.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này; kết quả thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 hằng năm theo quy định.

3.2. Kịp thời tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có) các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; việc sơ kết, tổng kết; khen thưởng, chấn chỉnh, phê bình hoặc xem xét điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp với tình hình thực tế địa phương và theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, các Bộ, ngành Trung ương.

4. Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Xây dựng

Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát nhu cầu, đề xuất nhiệm vụ chuyên ngành; tăng cường theo dõi, cảnh báo, hướng dẫn áp dụng TCVN đối với các nhóm sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo đạt mục đích, yêu cầu đặt ra tại kế hoạch này.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về TCVN cho đội ngũ cán bộ, học sinh, sinh viên, người lao động; nghiên cứu lồng ghép nội dung về TCVN vào hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phù hợp; tăng cường kết nối giữa cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo đảm gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của tỉnh và thị trường lao động.

6. Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ kế hoạch này và trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định của pháp luật có liên quan và theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương; đồng thời, thực hiện lồng ghép các nguồn kinh phí hợp pháp nhằm bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

7. Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hiệp hội Du lịch, Hội doanh nhân trẻ tỉnh Tuyên Quang

Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong tuyên truyền, đào tạo, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh áp dụng TCVN, đánh giá sự phù hợp, truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số; chủ động phản ánh khó khăn, đề xuất giải pháp, tích cực tham gia thực hiện các nội dung của kế hoạch.

8. Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về TCVN và kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ này trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để được kịp thời hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các TCCT-XH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Báo&PTTHTQ;
- UBND xã, phường;
- Trường ĐHTân Trào, Trường Cao đẳng TQ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hiệp hội Du lịch, Hội doanh nhân trẻ tỉnh TQ;
- Trung tâm TTHN tỉnh;
- Lưu: VT, KH&CĐS (Huyện).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Hùng Đức

PHỤ LỤC

Các nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Kết quả/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Công tác thông tin, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn (02 nhiệm vụ)				
1.1	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Nhân dân, doanh nghiệp, hợp tác xã về Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch này và các văn bản có liên quan về TCVN	- Tin, bài, văn bản hoặc nội dung thông tin, tuyên truyền. - Tổ chức hoặc lồng ghép, phối hợp tổ chức hội nghị, tập huấn, hội thảo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
1.2	Đa dạng hình thức thông tin, tuyên truyền và lồng ghép với nội dung liên quan đến hoạt động áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, mô hình hoạt động xuất sắc, các công cụ và giải pháp hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào doanh nghiệp	- 100% cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã có liên quan được tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia và kiến thức chuyên môn về tiêu chuẩn hóa.			
2	Hoàn thiện thể chế, chính sách và hạ tầng hỗ trợ phát triển TCVN (07 nhiệm vụ)				
2.1	Nghiên cứu đề xuất và kiến nghị xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn quốc gia theo hướng đồng bộ, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; bảo đảm thống nhất giữa tiêu chuẩn quốc gia với quy chuẩn kỹ thuật và các công cụ quản lý nhà nước	- Văn bản rà soát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách, quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng gắn với hội nhập quốc tế; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nội dung không còn phù hợp (nếu có). - 100% nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch được rà soát, lồng ghép trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm hoặc các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Xây dựng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

2.2	Phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu về hoạt động tiêu chuẩn hóa				
2.2.1	Khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, cho phép quản lý toàn bộ vòng đời tiêu chuẩn từ đề xuất, xây dựng, lấy ý kiến, công bố, phổ biến, tra cứu, áp dụng đến cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	- 100% cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã được tiếp cận, áp dụng cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. - Báo cáo đột xuất hoặc định kỳ về tình hình cập nhật, kết nối, khai thác và chia sẻ dữ liệu về hoạt động tiêu chuẩn hóa (nếu có).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2.2.2	Phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm khả năng chia sẻ, khai thác và liên thông từ trung ương đến địa phương, hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan tiếp cận kịp thời thông tin về hoạt động tiêu chuẩn hóa				
2.2.3	Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý và phân tích thông tin tiêu chuẩn, phục vụ xây dựng tiêu chuẩn mới và hỗ trợ doanh nghiệp tra cứu, tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn hiệu quả				
2.2.4	Triển khai lộ trình chuyển đổi hệ thống TCVN sang định dạng có thể đọc được bằng máy theo chuẩn SMART Standards của IEC/ISO theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, ngành ở Trung ương				
2.2.5	Bảo đảm nền tảng số về tiêu chuẩn quốc gia là một phân hệ cấu thành của nền tảng số và cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, ngành ở Trung ương				
2.2.6	Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho hoạt động tiêu chuẩn hóa	Nguồn tài chính được huy động (nếu có)	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính thực hiện theo thẩm quyền	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Phát triển đội ngũ chuyên gia và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (04 nhiệm vụ)				

3.1	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác chuyên môn và đại diện tổ chức, doanh nghiệp có liên quan được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế	100% cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác chuyên môn và đại diện tổ chức, doanh nghiệp có liên quan được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên; theo chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương
3.2	Kết hợp đào tạo theo chiều rộng với đào tạo chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực ưu tiên; chú trọng hình thành đội ngũ cán bộ, chuyên gia nòng cốt của tỉnh có khả năng tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập				
3.3	Tăng cường liên kết với các cơ quan trung ương, viện nghiên cứu, trường đại học, cơ sở đào tạo, hiệp hội ngành nghề, tổ chức khoa học và công nghệ để huy động chuyên gia, cập nhật tri thức, chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp quản trị tiên tiến; gắn đào tạo với yêu cầu thực tiễn, nhiệm vụ quản lý và nhu cầu của doanh nghiệp				
3.4	Nghiên cứu lồng ghép nội dung tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế vào các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với từng nhóm đối tượng; thúc đẩy kết nối giữa cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh				
4	Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN để thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (06 nhiệm vụ)				
4.1	Thúc đẩy xây dựng TCVN phục vụ đổi mới công nghệ				

4.1.1	Ưu tiên xác định rõ định hướng áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và xây dựng TCVN cho các công nghệ chiến lược và công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, robot và tự động hóa, công nghệ bán dẫn, công nghệ lượng tử, vật liệu mới, hydrogen, công nghệ năng lượng mới và công nghệ sinh học tiên tiến, nhằm tạo nền tảng kỹ thuật cho phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	Các sản phẩm trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, robot và tự động hóa, công nghệ bán dẫn, công nghệ lượng tử, vật liệu mới, hydrogen, công nghệ năng lượng mới và công nghệ sinh học tiên tiến (nếu có).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
4.1.2	Gắn việc định hướng áp dụng tiêu chuẩn hệ thống đo lường, thử nghiệm và chứng nhận, bảo đảm khả năng kiểm chứng, đánh giá sự phù hợp và hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn đối với các công nghệ và sản phẩm mới của địa phương	Phấn đấu đến năm 2035 có ít nhất 01 tổ chức đánh giá sự phù hợp trên địa bàn tỉnh được tăng cường năng lực đo lường, thử nghiệm hoặc mở rộng năng lực thử nghiệm bảo đảm khả năng kiểm chứng để phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương			
4.2	Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa để hỗ trợ đổi mới sáng tạo				
4.2.1	Lồng ghép yêu cầu xây dựng, sửa đổi và bổ sung tiêu chuẩn quốc gia vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương; khuyến khích chuyển đổi kết quả nghiên cứu, sáng chế và công nghệ mới thành tiêu chuẩn quốc gia	Văn bản đề xuất cơ quan có thẩm quyền xây dựng tiêu chuẩn quốc gia dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương (nếu có).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
4.2.2	Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong hoạt động xây dựng tiêu chuẩn; phát triển mạng lưới chuyên gia tiêu chuẩn hóa trong các lĩnh vực công nghệ cao	- Ý kiến tham gia của doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo đối với hoạt động xây dựng tiêu chuẩn. - Hình thành đội ngũ chuyên gia tiêu chuẩn hóa trong các lĩnh vực công nghệ cao.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo, các doanh nghiệp thực hiện theo chức năng,	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

			nhiệm vụ		
4.3	Phát triển hệ thống TCVN phục vụ chuyển đổi số				
4.3.1	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống TCVN theo thẩm quyền phục vụ chuyển đổi số, tập trung vào các lĩnh vực hạ tầng số, dữ liệu và các nền tảng số như dữ liệu mở, mạng thế hệ mới (5G/6G), điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu	Hệ thống TCVN được xây dựng và hoàn thiện	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Xây dựng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
4.3.2	Thúc đẩy xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn về khả năng tương tác, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống số, góp phần phát triển hạ tầng số quốc gia và nền kinh tế số				
5	Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ (06 nhiệm vụ)				
5.1	Phát triển hệ thống TCVN nền tảng cho công nghiệp hiện đại và sản xuất thông minh, tập trung vào các ngành công nghiệp chiến lược, công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo (AI), điện tử, vật liệu mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp vi mạch, robot công nghiệp; góp phần tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia	Áp dụng TCVN cho các sản phẩm trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, robot và tự động hóa, công nghệ bán dẫn, công nghệ lượng tử, vật liệu mới, hydrogen, công nghệ năng lượng mới và công nghệ sinh học tiên tiến (nếu có).	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Y tế; Sở Xây dựng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
5.2	Xây dựng tiêu chuẩn theo thẩm quyền phục vụ sản xuất bền vững trong công nghiệp, thúc đẩy áp dụng các quy trình sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và tuần hoàn vật liệu	Hệ thống TCVN được xây dựng và hoàn thiện	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

			Xây dựng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ		
5.3	Phát triển tiêu chuẩn cho cơ sở hạ tầng công nghiệp hiện đại và hạ tầng số, bao gồm hạ tầng thông tin, mạng truyền thông, cơ sở dữ liệu dùng chung, điện toán đám mây và hệ thống sản xuất tích hợp; bảo đảm khả năng tích hợp, tương tác và liên thông trong chuỗi giá trị	Rà soát hiện trạng hạ tầng công nghiệp và hạ tầng số, phân đầu đến năm 2035: 100% các doanh nghiệp áp dụng các TCVN, quy chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế về: Hạ tầng công nghệ thông tin. Điện toán đám mây, Trung tâm dữ liệu, An toàn thông tin, Internet vạn vật (IoT). Tự động hóa và sản xuất thông minh và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
5.4	Mở rộng xây dựng và áp dụng TCVN trong các ngành dịch vụ thị trường trọng điểm, như tài chính - ngân hàng, bất động sản, thương mại điện tử, logistics và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế	Rà soát nhu cầu tiêu chuẩn hóa trong các ngành dịch vụ trọng điểm, Phân đầu 100% các tổ chức tài chính - ngân hàng, bất động sản, thương mại điện tử, logistics và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp được áp dụng các tiêu chuẩn quản lý tiên tiến TCVN ISO 9001; TCVN ISO 27001; ...	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
5.5	Phát triển tiêu chuẩn trong lĩnh vực tài chính số và hạ tầng tài chính, góp phần tăng cường quản lý rủi ro, bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy phát triển hệ thống thanh toán số	Rà soát hiện trạng tài chính số tại địa phương, triển khai áp dụng các chuẩn cho các tổ chức tài chính tiêu chuẩn quốc tế, TCVN liên quan như ISO/IEC 27001 bảo vệ dữ liệu tài chính và người dùng; ISO 22301 đảm bảo hệ thống thanh toán không gián đoạn; ISO 31000 kiểm soát rủi ro tài chính, vận hành và công nghệ	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
5.6	Hỗ trợ xây dựng và áp dụng TCVN với các sản phẩm	100% sản phẩm chủ lực, các sản phẩm	Sở Khoa học	Các cơ quan,	Thường

	chủ lực, dịch vụ của địa phương được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, góp phần nâng cao giá trị và khả năng nhận diện của sản phẩm, dịch vụ thúc đẩy xuất khẩu và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu	được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận của địa phương được xây dựng và áp dụng TCVN	và Công nghệ	đơn vị có liên quan	xuyên
6	Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN phục vụ phát triển đô thị hiện đại và quản lý xã hội (03 nhiệm vụ)				
6.1	Triển khai áp dụng TCVN trong việc chuẩn hóa phát triển đô thị thông minh và nâng cao chất lượng sống đô thị	Phấn đấu đến năm 2035: 100% các đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh được áp dụng TCVN về quy hoạch, thiết kế và vận hành đô thị; hạ tầng đô thị thông minh, an toàn; nền tảng dữ liệu và ứng dụng số phục vụ quản lý đô thị	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
6.2	Triển khai và áp dụng tiêu chuẩn TCVN cho công trình xây dựng	Phấn đấu đến năm 2035: 100% các công trình xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá nhà ở, cải tạo và nâng cấp công trình công cộng, ứng dụng công nghệ số trong xây dựng và quản lý tài sản; kết hợp bảo tồn di sản với phát triển hạ tầng đô thị bền vững	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
6.3	Chuẩn hóa quản trị xã hội hiện đại	Phấn đấu đến năm 2035: 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt tiêu chuẩn về quản lý hành chính, tài chính công, dịch vụ công trực tuyến, cải cách thủ tục hành chính; tiêu chuẩn cho quản lý dữ liệu số, an ninh mạng và bảo vệ thông tin cá nhân	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
7	Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng TCVN phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững (06 nhiệm vụ)				

7.1	Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn về phát thải carbon và quản lý khí nhà kính	Phân đầu đến năm 2035: Có 1 - 2 doanh nghiệp có liên quan được áp dụng TCVN về kiểm kê khí nhà kính cho sản phẩm, doanh nghiệp và ngành kinh tế; tiêu chuẩn cho sản phẩm carbon thấp, công nghệ thu giữ và tái sử dụng CO ₂ (các nhà máy sản xuất xi măng, sản xuất thép, dệt may, da giày, ...)	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Xây dựng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
7.2	Xây dựng theo thẩm quyền và áp dụng tiêu chuẩn bảo vệ tài nguyên và môi trường	Phân đầu đến năm 2035: Có 1 - 2 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng tiêu chuẩn sử dụng hiệu quả đất, nước và không khí; kiểm soát ô nhiễm; bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học bao gồm: (khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp thép, xi măng, ...)			
7.3	Phát triển tiêu chuẩn sử dụng năng lượng hiệu quả bao gồm tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng cho thiết bị và sản phẩm; tiêu chuẩn phục vụ kiểm toán năng lượng, thử nghiệm, chứng nhận và dán nhãn năng lượng	Phân đầu đến năm 2035: 100% doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn sử dụng năng lượng hiệu quả bao gồm: Khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp thép, xi măng, dệt may, ...	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
7.4	Thúc đẩy tiêu chuẩn về sản xuất và tiêu dùng bền vững bao gồm sản xuất xanh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng thân thiện môi trường, mua sắm xanh và giảm lãng phí tài nguyên	Phân đầu đến năm 2035: 100% các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng TCVN cho sản xuất xanh, nông nghiệp hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
7.5	Rà soát, cập nhật và xây dựng theo thẩm quyền TCVN tương thích với tiêu chuẩn quốc tế và các cam kết toàn	Các thông tin, nội dung TCVN tương thích với tiêu chuẩn quốc tế và các cam	Sở Khoa học và Công nghệ;	Các cơ quan, đơn vị	Thường xuyên

	cầu về môi trường và biến đổi khí hậu, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng xanh quốc tế	kết toàn cầu về môi trường và biến đổi khí hậu	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Xây dựng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	có liên quan	
7.6	Triển khai áp dụng hệ thống TCVN phục vụ chuỗi cung ứng có trách nhiệm và yêu cầu ESG (môi trường, xã hội, quản trị) của thị trường quốc tế (TCVN ISO 26000 - trách nhiệm xã hội, TCVN ISO 20400 - mua sắm bền vững, TCVN ISO 14064 - kiểm kê khí nhà kính, TCVN ISO 37001 - quản lý chống hối lộ,...) cho các ngành xuất khẩu trọng điểm; xây dựng TCVN nền tảng cho Hộ chiếu số sản phẩm (Digital Product Passport - DPP) phục vụ xuất khẩu vào thị trường EU theo Quy định ESPR có hiệu lực từ 2027; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU thông qua TCVN về kiểm kê và báo cáo phát thải	Phấn đấu đến năm 2035: 100% các doanh nghiệp, HTX tham gia chuỗi cung ứng áp dụng hệ thống TCVN phục vụ chuỗi cung ứng bao gồm các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may, da giày, nông nghiệp, thủy sản, thực phẩm, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ...			
8	Nâng cao mức độ áp dụng TCVN và hiệu quả thực thi các tiêu chuẩn để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế: (05 nhiệm vụ)				
8.1	Cơ cấu hệ thống TCVN theo hướng hài hòa giữa vai trò kiến tạo của Nhà nước và chủ động của thị trường, thúc đẩy đổi mới và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế	Tổ chức triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ như ISO 9001, ISO 14000 tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
8.2	Tăng tỷ lệ hài hòa TCVN với tiêu chuẩn quốc tế theo ngành, ưu tiên các lĩnh vực có kim ngạch xuất khẩu lớn, các sản phẩm mang thương hiệu Việt và xây dựng cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn phục vụ doanh nghiệp tiếp cận nhanh yêu cầu kỹ thuật từ các thị trường trọng điểm	Rà soát các ngành hàng xuất khẩu lớn và chịu nhiều yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế của địa phương để đề xuất Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung TCVN cho hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế			
8.3	Tăng cường tổ chức hội thảo, đào tạo, tư vấn; cung cấp thông tin kỹ thuật từ thị trường xuất khẩu; khuyến khích doanh nghiệp xây dựng kế hoạch áp dụng tiêu chuẩn	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tư vấn; cung cấp thông tin kỹ thuật thị trường xuất khẩu cho các doanh nghiệp ở			

	trong chiến lược kinh doanh	địa phương			
8.4	Phổ biến hướng dẫn doanh nghiệp tham gia xây dựng và áp dụng TCVN, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao, nông sản, thực phẩm, may mặc, thiết bị điện - điện tử; xây dựng kế hoạch rà soát thường niên để cập nhật tiêu chuẩn theo biến động thị trường và công nghệ	Văn bản hoặc tài liệu hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất nông sản, thực phẩm, may mặc, khoáng sản tham gia xây dựng và áp dụng TCVN đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thị trường xuất khẩu			
8.5	Tăng cường sử dụng TCVN làm cơ sở kỹ thuật trong hoạt động quản lý nhà nước, bao gồm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, hoạt động cấp phép, đấu thầu, mua sắm công và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng của hệ thống TCVN	100% các sản phẩm hàng hóa của địa phương áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở, TCVN, quy chuẩn quốc gia, ... nhằm nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước, thúc đẩy doanh nghiệp tuân thủ pháp luật và hội nhập quốc tế			
9	Tăng cường thông tin, cảnh báo về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (05 nhiệm vụ)				
9.1	Khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực TCVN	- Rà soát nền tảng số, cơ sở dữ liệu hiện có trong lĩnh vực TCVN, truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch; đề xuất phương án cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu phù hợp. - Đến năm 2030, tăng tối thiểu 30% số sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh được áp dụng mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử hoặc giải pháp số hóa thông tin sản phẩm so với năm 2025.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Xây dựng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
9.2	Phát triển, cập nhật, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu số về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kết quả kiểm định, thử nghiệm, chứng nhận, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định; tạo điều kiện để cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân khai thác, sử dụng thông tin phục vụ quản lý và sản xuất, kinh doanh				
9.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân áp dụng mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử, các giải pháp số hóa thông tin sản phẩm; nâng cao tính minh bạch, khả năng nhận diện, quản lý chất lượng và				

	mở rộng thị trường				
9.4	Cung cấp thông tin, cảnh báo, hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp, hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các thị trường xuất khẩu trọng điểm; hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, giảm rủi ro, giảm chi phí tuân thủ	- Năm 2026, hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá sự phù hợp và hàng rào kỹ thuật trong thương mại cho ít nhất 20 tổ chức, doanh nghiệp. - Hằng năm cập nhật, cung cấp thông tin cảnh báo về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu trọng điểm cho doanh nghiệp có nhu cầu.			
9.5	Triển khai nhiệm vụ truy xuất nguồn gốc với yêu cầu nâng cao năng lực hội nhập quốc tế; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh cập nhật dữ liệu, kết nối với Công truy xuất nguồn gốc của tỉnh và Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia theo quy định	- Xây dựng 01 bộ tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đáp ứng quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện của tỉnh. - Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu cập nhật dữ liệu, áp dụng mã truy xuất nguồn gốc, kết nối hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định. - Phân đầu 100% sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc của tỉnh được hướng dẫn áp dụng và kết nối theo lộ trình phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
10	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn (04 nhiệm vụ)				
10.1	Hỗ trợ, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo lộ trình công bố của các Bộ, ngành, địa phương	100% doanh nghiệp sản xuất, cung cấp sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của địa phương được hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
10.2	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước	- Hỗ trợ ít nhất 60 doanh nghiệp áp dụng, được chứng nhận phù hợp các tiêu chuẩn về			

	ngoài của các nước phát triển	hệ thống quản lý tiên tiến (ISO, HACCP, ...). - Hỗ trợ ít nhất 80 doanh nghiệp áp dụng, được chứng nhận phù hợp các tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số. - Hỗ trợ ít nhất 20 doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh xây dựng và triển khai mô hình điểm về tiêu chuẩn hóa.			
10.3	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng, hoặc áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, mô hình hoạt động theo tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng quốc gia	Hỗ trợ ít nhất 60 doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng (5S), hoặc áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, mô hình hoạt động theo tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
10.4	Hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh và nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp cũng như quy định của pháp luật	Hỗ trợ ít nhất 40 tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
11	Tăng cường kiểm tra, giám sát (03 nhiệm vụ)				
11.1	Tổ chức việc thực hiện kiểm tra, khảo sát về TCVN đối với sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, lưu thông trên thị trường; tập trung vào các nhóm sản phẩm, hàng hóa chủ lực, thiết yếu, có nguy cơ rủi ro cao, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng	Văn bản hành chính về kết quả của việc tổ chức hoặc lồng ghép tổ chức kiểm tra, khảo sát, lấy mẫu đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý; ưu tiên nhóm sản phẩm, hàng hóa chủ lực, thiết yếu, có nguy cơ rủi ro cao, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi người tiêu dùng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
11.2	Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong trao đổi thông tin, xử lý chồng chéo, phòng ngừa và xử lý vi phạm pháp luật về TCVN; kịp thời biểu dương,				

	khen thưởng tổ chức, cá nhân thực hiện tốt				
11.3	Đẩy mạnh hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa để hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, cảnh báo và hoạch định chính sách; từng bước tăng cường trang thiết bị thử nghiệm nhanh, thiết bị kiểm tra lưu động phục vụ công tác quản lý nhà nước				